

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-PT
Ngày 14-02-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 546/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 533/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 37/2023/QĐ-PT ngày 16 thán 01 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp X, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1961.

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1962.

Cùng cư trú: Ấp Y, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Văn C, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp G, xã N2, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Văn C1-Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Văn C1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp X, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện T. Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Vũ Văn Qu - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

3.3. Ủy ban nhân dân xã N1. Địa chỉ: Ấp E, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

3.4. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T (Agribank Chi nhánh huyện T).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Trần Văn O, sinh năm 1949. Nơi cư trú: Ấp Z, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

4.2. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp X, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

4.3. Ông Huỳnh Trường H1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp X, xã N1, huyện T, tỉnh Long An

4.4. Ông Nguyễn Văn Bé B1, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp X, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

4.5. Bà Huỳnh Thị M1, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp X, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

4.6. Ông Nguyễn Văn A1, sinh năm 1930. Nơi cư trú: Ấp X, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

4.7. Ông Lê Hoàng B2, sinh năm 1946. Nơi cư trú: Ấp Z, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

4.8. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp X, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị A.

(Ông M, ông D, bà A, ông C, ông C1, bà L, ông H1 có mặt; còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các văn bản đã giao nộp tại Tòa án và các lời trình bày tại Tòa án của ông Huỳnh Văn M trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông M với ông D, bà A là của ông Huỳnh Văn H, là ông nội của ông M và ông B. Ông H sử dụng từ trước năm 1975 sau đó ông H cho lại ông Huỳnh Văn Th là cha của ông M và ông B khai phá và tiếp tục sử dụng. Sau khi ông Th chết, ông Th để lại cho các con là ông B, ông M quản lý sử dụng. Sau đó ông B giao lại cho ông M sử dụng. Các anh

em cùng sử dụng chung để tưới tiêu sản xuất lúa một năm làm 02 vụ và đã sử dụng liên tục cho đến nay.

Đối với phần đất của ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A trước đây cũng có đường bơm nước riêng (phía Tây của đường nước tranh chấp). Đến năm 1996, ông D, bà A lắp đường bơm nước riêng của mình và sử dụng chung đường bơm nước của anh em ông M. Ruộng của ông B và ông M ở phía trong, còn phần đất ruộng của ông D, bà A có vị trí phía ngoài. Vì nghĩ anh em họ hàng nên ông B, ông M để ông D, bà A bơm chung đường bơm nước từ năm 1996 cho đến năm 2018. Tuy nhiên, khi tiến hành sạ lúa vụ 3 năm 2018 thì ông D, bà A ngăn cản không cho ông M bơm nước tưới tiêu với lý do đây là đường bơm nước của ông D, bà A nên giữa ông M, ông B với ông D, bà A xảy ra tranh chấp. Khi đó ông B khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu ông D trả lại đường bơm nước. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy, giao về giải quyết lại do thiếu người tham gia tố tụng.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết lại, ông Huỳnh Văn M có yêu cầu độc lập, yêu cầu ông D, bà A trả phần đất tranh chấp có diện tích 447m² gồm thuộc một phần thửa số 02, diện tích 183m² và phần đất diện tích 264m² đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Bị đơn ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị A và người đại diện hợp pháp của ông D, bà A trình bày:

Phần đất của vợ chồng ông D, bà A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông D đứng tên có nguồn gốc từ ông nội của ông D là ông Huỳnh Văn H. Trước năm 1975, ông H có chia đất cho ông Huỳnh Văn Th và cha của ông D là ông Huỳnh Văn K. Đối với phần đất của ông Huỳnh Văn K, ông K chết đã cho vợ chồng ông D, bà A canh tác từ năm 1982 đến nay. Đường nước có tranh chấp với ông M trước đây là do ông Huỳnh Văn Th (cha của ông B và ông M) đào. Sau đó ông Th cho ông K sử dụng, ông K cho lại vợ chồng ông D sử dụng đường nước này từ năm 1982 cho đến nay.

Năm 1988-1989, ông M nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Văn Th1, còn ông D nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn S, năm 1996 thì ông D và ông M, ông B mới cải tạo đường bơm nước này để xài chung. Năm 2019, ông D và ông M, Ông B xảy ra tranh chấp về đường bơm nước này nên ông B khởi kiện. Ông D, bà A không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B do đường nước này ông được cha ông cho và đã sử dụng từ năm 1992.

Hiện nay, ông M yêu cầu ông D và bà A trả lại 447m² đất là đường bơm nước thuộc một phần thửa số 02 với diện tích là 183m² và phần đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai diện tích 264m² đất tọa lạc tại Ấp Y, xã N1, huyện T, tỉnh Long An; ông D và bà A không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Huỳnh Văn B trình bày: Ông B thống nhất trình bày của ông Huỳnh Văn M về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất. Phần đất tranh chấp ông đã giao cho ông M sử dụng. Hiện nay, ông M đã có yêu cầu khởi kiện nên ông B xin rút yêu cầu khởi kiện.

Ủy ban nhân dân huyện T ý kiến: Tại văn bản ngày 28/9/2022, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) huyện T xác định UBND huyện T thống nhất về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất như đã nêu tại Công văn số 1248/UBND-NC ngày 20/5/2020 của UBND huyện T, báo cáo số 289/BC-UBND ngày 13/5/2020 của UBND xã N1 về nguồn gốc đất tranh chấp, người trực tiếp canh tác và sử dụng phần đất tranh chấp đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã N1 ý kiến: Tại báo cáo số 289/BC-UBND ngày 13/5/2020 của UBND xã N1 báo cáo về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông Huỳnh Văn B thể hiện, đất tranh chấp có nguồn gốc của cha ruột của ông B là ông Huỳnh Văn Th tự khai phá đất, có đào đường nước để bắt cá và bơm nước tưới tiêu để canh tác lúa từ trước năm 1975. Đến khoảng năm 1993, ông Th giao lại cho ông B quản lý, sử dụng và canh tác đất (Do ông B ở chung với ông Th). Đến khoảng năm 1995, ông Th cho ông M phần đất tại Kênh 1000 Nam để canh tác có đường bơm nước, Ông M đã quản lý, sử dụng đường bơm này từ đó đến nay không có ai tranh chấp.

Trước kia ông D có đường bơm nước riêng. Sau đó ông D đã lấp đường bơm đó và xin bơm nước chung với đường bơm nước của ông M. Vào năm 1997, do có mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân về ranh bờ và đường bơm nên hai bên xảy ra tranh chấp đường bơm nước chung, nhưng trên thực tế phần đường bơm này là của gia đình ông B đào và sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - ủy quyền thường xuyên cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T (Agribank Chi nhánh huyện T) trình bày ý kiến tại văn bản số 210/NHo-TT ngày 26/9/2022 như sau:

Ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị A có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N557445 để vay tiền tại Agribank chi nhánh huyện T-Phòng giao dịch N3 theo hợp đồng tín dụng số 6607LAV202202610 ngày 11/5/2022. Đến thời điểm hiện nay ông D, bà A vẫn còn vay tiền, chưa xóa thế chấp. Hiện nay, Agribank chi nhánh huyện T không có ý kiến và không có yêu cầu độc lập, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Tòa án giải quyết vụ án tách phần đất diện tích 173 m² từ bản đồ số 10 thuộc quyền sử dụng đất số N557445 đã cấp cho ông D thì cũng không ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của Ngân hàng.

Vụ kiện đã được Tòa án nhân dân huyện T hòa giải nhưng kết quả không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022, quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 33/2022/QĐ-SCBSBA ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 các điều 217, 218, 244, 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 166, 236 Bộ luật dân sự 2015; Điều 101, 166, 170, 195, 197 203 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ giao trả cho ông Huỳnh Văn B quyền sử dụng đất là đường bơm nước có diện tích là 444m².

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn M. Buộc ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ giao trả cho ông Huỳnh Văn M quyền sử dụng đất diện tích là 447m² gồm: một phần của thửa số 2, tờ bản đồ số 10 diện tích 183m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N-557445 cấp ngày 25/02/1999 do ông Huỳnh Văn D đứng tên và phần đất diện tích 264m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Đất tọa lạc tại Ấp Y, xã N1, huyện T, tỉnh Long An (Theo Mảnh Trích đo Bản đồ địa chính số 06-2022 ký duyệt ngày 22/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T).

Ông Huỳnh Văn M được quyền sử dụng đất và được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng đất sử dụng tại một phần của thửa số 2, tờ bản đồ số 10 diện tích 183m² và phần đất diện tích 264m² để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Ông Huỳnh Văn D có nghĩa vụ giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N-557445 cấp ngày 25/02/1999 để cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý biên động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án của Tòa án đối với phần đất thuộc phần của thửa số 2, tờ bản đồ số 10 diện tích 183m².

Trong trường hợp một trong hai bên không thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Cơ quan thi hành án có quyền ra Quyết định thi hành.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn B số tiền chi phí do đặc lần thứ nhất là 3.653.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) và chi phí thẩm định là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 5.253.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A phải chịu chi phí xem xét thẩm định lần thứ hai là 1.370.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ông Huỳnh Văn M phải chịu chi phí đo đạc lần thứ hai số tiền là 4.018.000đ (Bốn triệu không trăm mười tám nghìn đồng).

4. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

5. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn B được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000 đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000813 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Ông Huỳnh Văn M không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.110.000đ (Một triệu một trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004803 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 13/10/2022, bị đơn ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, không ai cung cấp chứng cứ mới.

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Trần Văn C1 trình bày: Đối với phần đất tranh chấp giữa ông D và ông M, đất có một phần đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, một phần chưa cấp cho ai. Khi ông D được cấp giấy chứng nhận không ai có ý kiến. Đối với phía ông M không có tài liệu chứng cứ chứng minh phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông M. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Phan Văn C đại diện cho ông D, bà A cho rằng đường mương nước tranh chấp trước đây là của ông H, ông H để lại cho ông K là cha ông D, sau đó ông K để lại ông D, bà A; ông M không có đất bên trong nên không có sử dụng đường nước trên. Sau này Ông M mua đất của ông Th1, bà L1 mới sử dụng đường nước chung. Do thời gian qua, ông M lấp đường mương nước ngang qua thửa số 26, chỉ để đường nước nhỏ vào ruộng thửa số 89 của ông D nên ông D

không cho ông M sử dụng đường nước tranh chấp, chứ trước đó vẫn cho sử dụng chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Các đương sự đều xác định phần đất tranh chấp đường nước và đất của ông D hiện nay tại thửa số 2 có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn H, ông H là ông nội của ông B, ông M và ông D. Trước năm 1975, ông H cho ông Huỳnh Văn Th là cha của ông B, ông M và ông Huỳnh Văn K, là cha của ông D cùng khai thác, ông Th giữ lại một phần đất từ Kênh 1000 hướng về phía Nam Kênh 2000, cắt chia cho ông K một phần đất tương tự từ lộ 837 về hướng Nam 1.200 mét. Phần đất từ 1.000 mét về hướng Nam khoảng 200 mét ông Th có đào hai con kênh để bắt cá và sử dụng tưới tiêu.

Theo biên bản hòa giải của UBND xã N1 và trình bày của phía ông D, bà A đều thể hiện trước khi xảy ra tranh chấp tại phần đường nước mà ông B, ông M khởi kiện thì các bên sử dụng chung đường nước tranh chấp dọc thửa số 2 và đường nước ngang qua thửa 26 của ông M (nhận chuyển nhượng của bà L1, ông Th1). Do ông M lấp đường nước ngang qua thửa 26, chỉ chừa đường nước nhỏ nên hai bên xảy ra tranh chấp. Từ đó, ông D, bà A không cho ông M sử dụng đường nước chung từ trước đến nay.

Theo báo cáo số 289/BC-UBND ngày 13/05/2020 của UBND xã N1, và Công văn số 1248/UBND-NC ngày 20/05/2020 của UBND huyện T thể hiện phần quyền sử dụng đất đang tranh chấp là của ông Huỳnh Văn Th, ông Th giao lại quyền sử dụng đất cho con là ông Huỳnh Văn B, ông B đã giao cho ông M quản lý sử dụng cho đến khi tranh chấp với ông D. Báo cáo này phù hợp với xác nhận của những người làm chứng do ông M đã cung cấp. Như vậy, có cơ sở xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp tại một phần thửa số 2 tổng diện tích đo đạc thực tế 447m² có nguồn gốc của gia đình ông Huỳnh Văn Th, ông Th để lại cho ông B, ông B cho ông M sử dụng từ năm 1989 cho đến nay trải qua quá trình sử dụng ổn định, lâu dài, ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng đối tượng. Ông D đã có đường cống bơm nước riêng tại hướng Tây nhưng đã lấp cống hướng Tây và sử dụng chung với ông M. Do đó, Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, kháng cáo của bà A, ông D không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn B, UBND huyện T vắng mặt có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, UBND xã N1, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện T. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A, thấy rằng:

[4.1] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Ông M, ông B và ông D, bà A đều trình bày thống nhất phần đất tranh chấp là đường nước và đất của ông D hiện nay tại thửa số 2 có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn H, ông H là ông nội của ông B, ông M và ông D. Trước năm 1975, ông H cho lại ông Huỳnh Văn Th là cha của Ông B, Ông M và ông Huỳnh Văn K, là cha của ông D. Ông Th là anh và ông K là em. Hai anh em cùng khai thác, ông Th giữ lại một phần đất từ Kênh 1000 hướng về phía Nam Kênh 2000, cắt chia cho ông K một phần đất tương tự từ lộ 837 về hướng Nam 1.200 mét. Phần đất từ 1.000 mét về hướng Nam khoảng 200 mét ông Th có đào hai con kênh để bắt cá và sử dụng tưới tiêu. Phần đường nước có tranh chấp hiện nay cả hai bên đương sự và tất cả người làm chứng, báo cáo số 289/BC-UBND ngày 13/5/2020 của UBND xã N1 và Công văn số 1248/UBND-NC ngày 20/5/2022 của UBND huyện T đều trình bày do ông Th đào sử dụng để bắt cá và tưới tiêu, bơm nước từ năm 1975.

[4.2] Về diện tích tranh chấp: Ông M, ông B và ông D, bà A thống nhất sử dụng Mảng trích đo số 06-2022 ký duyệt ngày 22/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T để làm căn cứ giải quyết tranh chấp, đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ số 10 diện tích 183m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông D và phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai có diện tích 264m² đất tại Ấp Y, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

[4.3] Về quá trình sử dụng:

Phía bị đơn ông D và bà A thừa nhận phần đất ông D, bà A sử dụng là do ông Huỳnh Văn H cắt chia cho ông Huỳnh Văn Th và cha ông là Huỳnh Văn K. Đường nước tranh chấp do ông Th đào và đã cho ông K sử dụng đối với đất được chia. Phần đất của ông K có hai đường bơm nước, ông D đã lập một bên phía Tây vì ông cho rằng năm 1982 lúc điều chỉnh đất đai Nhà nước đã cấp cho

ông cả hai đường bơm nước này nên đường bơm nước tưới tiêu hiện nay tranh chấp là quyền sử dụng của ông.

Ông Phan Văn C đại diện theo ủy quyền của ông D, bà A cung cấp các bản xác nhận của những người làm chứng là bà Huỳnh Thị M1, ông Huỳnh Trường H1, bà Bùi Thị L, ông Nguyễn Văn Bé B1. Tại phiên tòa sơ thẩm đã tiến hành làm rõ nội dung xác nhận của ông H1, bà M1, bà L. Qua trình bày của ông H1, bà M1, bà L thì xét về nội dung, các bản xác nhận của người làm chứng hoàn toàn giống nhau, có nội dung người làm chứng xác định không có trên thực tế. Về hình thức, văn bản được đánh máy không do ý chí của người đứng tên trong văn bản yêu cầu và trình bày mà được đánh máy theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Do đó, những chứng cứ này không đảm bảo tính khách quan do đã trình bày, diễn đạt, áp đặt ý chí của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, bà M1, bà L, ông H1, ông B1 xác nhận đường bơm nước có nguồn gốc do ông Th đào, ông Th cho ông K sử dụng. Đến năm 1982 ông K cho ông D và bà A sử dụng. Đến khi ông M mua đất của ông Th1 khoảng năm 1989 thì ông D có cho ông M sử dụng chung. Còn ông B không có sử dụng đường nước tranh chấp này.

Trong khi đó phía nguyên đơn ông M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B trình bày ông Th khai phá đất và đào đường nước để bơm nước sử dụng tưới tiêu sản xuất lúa từ năm 1975. Ông Th giao cho ông Huỳnh Văn K một đường bơm nước trên phần đất mà ông K sử dụng, ông Th để lại một đường bơm nước để ông sử dụng (đường nước hiện đang tranh chấp), anh em ông Th và ông K sử dụng ổn định. Đến năm 1982, ông K giao lại phần đất của ông K cho ông D tiếp tục quản lý sử dụng. Phần của ông Th cho các con là ông B, bà Huỳnh Thị L1 (có chồng là Trần Văn Th1) quản lý sử dụng. Sau đó ông B giao lại cho ông M sử dụng. Các anh em cùng sử dụng chung đường bơm nước do ông Th đào. Đến năm 1996, ông D và bà A lắp đường bơm nước riêng của mình (đường bơm hướng Tây) và cùng sử dụng chung đường bơm nước với ông M. Đến vụ 3 năm 2018, ông D và bà A cho rằng đường bơm nước là của mình nên không cho ông M và ông B sử dụng nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Lời trình bày của ông M, ông B được các nhân chứng như ông Nguyễn Văn A1, ông Lê Hoàng B2, ông Nguyễn Văn Ch, ông Võ Văn H2, bà Huỳnh Thị S2, ông Lê Văn M2, ông Trần Văn S1, ông Trần Văn N, ông Trần Văn H3 ... là những người cao tuổi ở gần đất tranh chấp, có chủ đất giáp ranh liền kề xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đúng như ông M trình bày.

Đồng thời, tại báo cáo số 289/BC-UBND ngày 13/05/2020 của UBND xã N1, huyện T, tỉnh Long An và Công văn số 1248/UBND-NC ngày 20/05/2020 của UBND huyện T thể hiện phân quyền sử dụng đất đang tranh chấp là của ông Huỳnh Văn Th, ông Th giao lại quyền sử dụng đất cho con là ông Huỳnh Văn B, ông B đã giao cho ông M quản lý sử dụng cho đến khi tranh chấp với ông D. Báo cáo của UBND xã căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương, kết quả quản lý

hành chính theo thẩm quyền. Báo cáo của UBND xã N1, văn bản trả lời của UBND huyện T phù hợp với xác nhận của những người làm chứng do ông M đã cung cấp.

Tại văn bản số 1705/UBND-NC ngày 08/7/2022 của UBND huyện T cũng đã nhận định: Phần đất đang tranh chấp nằm trong chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn D thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ số 10, về quy trình xét đổi và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu Trung ương là đúng theo Quyết định số 935/QĐ-UB ngày 03/3/1995 của UBND tỉnh Long An. Tuy nhiên, về đối tượng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Quan điểm của UBND huyện T người nào trực tiếp sử dụng trên một phần thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10 diện tích 271m² và phần diện tích 173m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì công nhận cho người đó (diện tích theo Theo Mảnh Trích đo địa chính số 90-2019 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt ngày 05/12/2019 đã được thay thế bằng Mảnh trích đo số 06-2022 ký duyệt ngày 22/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T). Mặc dù công văn số 1705/UBND-NC ngày 08/7/2022 đã được UBND huyện thu hồi, nhưng lý do thu hồi mà UBND huyện nêu là không đúng quy định của pháp luật và việc thu hồi văn bản số 1705/UBND-NC ngày 08/7/2022 cũng không thay đổi bản chất nội dung nguồn gốc và quá trình sử dụng đất.

Tại văn bản ngày 28/9/2022, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T xác định UBND huyện T thống nhất về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất như đã nêu tại Công văn số 1248/UBND-NC ngày 20/5/2020 của UBND huyện T, báo cáo số 289/BC-UBND ngày 13/5/2020 của UBND xã N1 về nguồn gốc đất tranh chấp, người trực tiếp canh tác và sử dụng phần đất tranh chấp đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại biên bản hòa giải của UBND xã N1, trình bày của người làm chứng do ông D, bà A cung cấp và trình bày của ông D, bà A đều thể hiện trước khi xảy ra tranh chấp tại phần đường nước mà ông B, ông M khởi kiện (đường nước từ kênh 1000 Nam trở vô hướng Nam thuộc một phần thửa số 2 và phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), phía ông D, bà A, ông M sử dụng chung đường nước tranh chấp dọc thửa số 2 và đường nước ngang qua thửa 26 của ông M (nhận chuyển nhượng của bà L1, ông Th1). Do ông M lắp đường nước ngang qua thửa 26, chỉ chừa đường nước nhỏ nên hai bên xảy ra tranh chấp. Từ đó, ông D, bà A không cho ông M sử dụng đường nước chung từ trước đến nay. Xét thấy việc ông D lấy lý do ông M không cho ông D, bà A sử dụng đường nước ngang qua thửa đất số 26 của ông M để không cho ông M sử dụng đường nước có nguồn gốc của cha ông Th để lại là không có cơ sở. Bởi vì, nếu ông D cho rằng là đường nước chung, hoặc của riêng ông D, hoặc của ông M nhưng ông M không cho ông D sử dụng mà ông D không có đường tưới tiêu nào khác, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết khi có yêu cầu. Trong vụ án này, suốt từ khi sơ thẩm lần thứ nhất đến lần thứ hai, các đương sự không có ai yêu cầu giải quyết tranh chấp phần này nên nếu có tranh chấp được quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

Từ những lý do trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn M là có cơ sở và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A phải chịu chi phí xem xét thẩm định là 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được xem xét.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, các điều 217, 218, 244, 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 166, 236 Bộ luật dân sự 2015; Điều 101, 166, 170, 195, 197 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ giao trả cho ông Huỳnh Văn B quyền sử dụng đất là đường bơm nước.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn M. Buộc ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ giao trả cho ông Huỳnh Văn M quyền sử dụng đất diện tích là 447 m² gồm: một phần của thửa số 2, tờ bản đồ số 10 diện tích 183m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N-557445 cấp ngày 25 tháng 02 năm 1999 do ông Huỳnh Văn D đứng tên và phần đất diện tích 264m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Đất tọa lạc tại Ấp Y, xã N1, huyện T, tỉnh Long An (theo Mảnh Trích đo Bản đồ địa chính số 06-2022 ký duyệt ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T).

Ông Huỳnh Văn M được quyền sử dụng đất và được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng đất sử dụng tại một phần của thửa số 2, tờ bản đồ số 10 diện tích 183m² và phần đất diện tích 264m² để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Ông Huỳnh Văn D có nghĩa vụ giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N-557445 cấp ngày ngày 25 tháng 02 năm 1999 để cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án của Tòa án đối với phần đất thuộc phần của thửa số 2, tờ bản đồ số 10 diện tích 183m².

Trong trường hợp một trong hai bên không thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Cơ quan thi hành án có quyền ra Quyết định thi hành.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn B số tiền chi phí đo đạc lần thứ nhất là 3.653.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) và chi phí thẩm định là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 5.253.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A phải chịu chi phí xem xét thẩm định lần thứ hai là 1.370.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) và chi phí xem xét thẩm định lần thứ ba là 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

Ông Huỳnh Văn M phải chịu chi phí đo đạc lần thứ hai số tiền là 4.018.000 đồng (Bốn triệu không trăm mười tám nghìn đồng).

4. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn B được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000813 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ông Huỳnh Văn M không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.110.000 đồng (Một triệu một trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004803 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị A không phải chịu.

7. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu thi hành ngay sau khi tuyên án.

8. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Nhữn